

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 57/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20-7-2020

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình

- ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Bửu Khánh

Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 298/2020/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp “Hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1978.

- Bị đơn: Anh Trần Thanh H1 - Sinh năm: 1972.

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện G, tỉnh K.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại bản tự khai, nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh H1 tự tìm hiểu và cưới nhau năm 1996, đến nay chưa đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp tính ý, bất đồng quan điểm trong kinh tế gia đình, không quan tâm, chăm sóc nhau. Chị và anh H1 đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Chị H yêu cầu ly hôn với anh H1.

Về con chung: Có 05 con chung tên Trần Ngọc H2 - sinh năm: 1998, Trần Mỹ H3 - sinh năm: 1999, Trần Hồng Th - sinh năm: 2000, Trần Ngọc H4 - sinh năm: 2002 và Trần Ngọc Ng - sinh ngày: 26/4/2005. Hiện các cháu H2, H3, Th, H4 đã trưởng thành, có cuộc sống riêng. Cháu Ng đang chung sống với chị H. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Ng, không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai - bị đơn anh Trần Thanh H1 trình bày:

Anh H1 xác định lời trình bày của chị H về quá trình hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị H không hạnh phúc, chị H yêu cầu ly hôn thì anh H1 đồng ý.

Về con chung: Có 05 con chung, hiện các cháu H2, H3, Th, H4 đã trưởng thành, có cuộc sống riêng. Cháu Ng đang chung sống với chị H. Anh H1 thống nhất giao cháu Ng cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai cháu Ng có nguyện vọng tiếp tục chung sống với chị H.

Quá trình giải quyết vụ án chị H và anh H1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt do bận làm ăn xa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H khởi kiện xin ly hôn, nuôi con với anh H1. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã V, huyện G, tỉnh K nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh K.

Chị H, anh H1 có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc làm ăn xa. Xét thấy, anh H1 đã nộp bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, sự vắng mặt của anh chị không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành đưa ra xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 bắt đầu chung sống như vợ chồng từ năm 1996 cho đến nay không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và

gia đình. Nay chị H có yêu cầu xin ly hôn nên áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Trần Thanh H1 là vợ chồng.

Về con chung: Chị H và anh H1 cùng xác định có 05 đứa con chung tên Trần Ngọc H2 - sinh năm: 1998, Trần Mỹ H3 - sinh năm: 1999, Trần Hồng Th - sinh năm: 2000, Trần Ngọc H4 - sinh năm: 2002 và Trần Ngọc Ng - sinh ngày: 26/4/2005. Hiện các cháu H2, H3, Th, H4 đã trưởng thành, có cuộc sống riêng. Cháu Ng đang chung sống với chị H. Chị H và anh H1 thống nhất giao cháu Ng cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy cháu Ng hiện do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Ng trên 7 tuổi và có nguyện vọng tiếp tục chung sống cùng với chị H. Sau khi xem xét quyền lợi mọi mặt của con. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu Ng cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị H phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003469 ngày 22/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Trần Thanh H1 là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Ng - sinh ngày: 26/4/2005 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H1 được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị H phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003469 ngày 22/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho các đương sự được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nH:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục thi hành án.
- Đương sự;
- UBND xã
- Lưu HS.

Nguyễn Thúy An